TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Văn Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

2. Bà Lê Thị Hồng Gấm.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; thường trú: Ấp AA, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Số 23, kiot cô Tư, Đường D7, Khu phố 1, phường P, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Ph, sinh năm 1992; thường trú: Ấp AA, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Nhà trọ R, Số 315 đường TH52, Tổ 5, khu phố H, phường G, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Ph chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 01/2012, ngày 10/10/2012.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cả hai cùng yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Ph.

- Về con chung: Vợ chồng bà L và ông Ph có con chung tên Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 23/11/2011. Khi ly hôn, bà L đồng ý để ông Ph được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Bản tự khai ngày 08/8/2019, con chung tên Nguyễn Huyền Tr trình bày: Cháu Trân muốn sống với cha tên Ph.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Toà án cho bà L được ly hôn với ông Ph.

- Về con chung: Bà L đồng ý để ông Ph được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 23/11/2011.

- Về cấp dưỡng: Bà L đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ph được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt không lý do, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Ph tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 01/2012, ngày 10/10/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng bà L và ông Ph đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2014. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Ph.

+ Về việc nuôi con chung: Vợ chồng bà L và ông Ph có con chung tên tên Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 23/11/2011. Hiện tại, cháu Trân đang sống chung với ông Ph và gia đình bên nội. Bà L đồng ý để gia đình nhà ông Ph được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu của bà L phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cho ông Ph được nuôi dưỡng con chung. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Ý kiến của bà L là tự nguyện, phù hợp pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung và vay nợ chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ph và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh ngày 25/7/2019 của Toà án, ông Ph đang cư trú tại địa chỉ: Nhà trọ R, Số 315 đường TH52, Tổ 5, khu phố H, phường G, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Ông Ph đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 22/7/2019 và 12/8/2019 nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ ông Ph tham gia phiên tòa vào các ngày 29/8/2019 và 23/9/2019 nhưng ông Ph vắng mặt không lý do là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông Quốc theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Ph là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 01/2012, ngày 10/10/2012 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Ph.

Ông Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định ông Ph không có thiện chí mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông Ph là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về việc nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng bà L và ông Ph có con chung tên Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 23/11/2011. Hiện tại, cháu Trân đang sống chung với ông Ph và gia đình nhà nội. Bà Nguyễn Thị L đồng ý để cháu Nguyễn Huyền Tr tiếp tục được sinh sống với gia đình nhà ông Ph.

Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Xét thấy, yêu cầu về quyền nuôi con chung của bà L không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy ý kiến của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với bị đơn ông Ph như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Ph.

1.2 Về việc nuôi con chung: Giao cho ông Ph được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 23/11/2011.

1.3 Về việc cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi con tên Nguyễn Huyền Tr đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị L và ông Ph đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Nguyễn Thị L lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Ph có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Nguyễn Thị L. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.4 Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0036889, ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, bà L phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo:

3.1 Bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

3.2 Ông Ph vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Văn Hưng